SỬ DỤNG KĨ THUẬT BỂ CÁ TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT

Nguyễn Thị Nga
Học viện An ninh nhân dân

Tóm tắt: *Sử dụng kĩ thuật bể cá (Fishbowl Technique) trong giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất theo hướng phát huy tính chủ động và năng lực giao tiếp của người học. Kết quả phân tích cho thấy kĩ thuật bể cá tạo cơ hội để sinh viên tăng cường thực hành tiếng Anh, rèn luyện kĩ năng nói, lắng nghe, phản biện và tương tác thông qua việc luân chuyển giữa vai trò tham gia thảo luận và quan sát. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả, giảng viên cần lựa chọn chủ đề phù hợp, thiết kế nhiệm vụ rõ ràng và điều chỉnh hoạt động theo trình độ sinh viên, quy mô lớp học và thời lượng giảng dạy.*

Từ khóa: *Sử dụng; Kĩ thuật bể cá; Giảng dạy tiếng Anh; Sinh viên năm thứ nhất.*

USING THE FISHBOWL TECHNIQUE IN TEACHING ENGLISH TO FIRST-YEAR UNIVERSITY STUDENTS

Abstract*: This study examines the use of the Fishbowl Technique in teaching English to first-year university students, with a focus on promoting learner autonomy and communicative competence. The analysis indicates that the Fishbowl Technique provides students with opportunities to increase their English language practice and develop speaking, listening, critical thinking, and interaction skills through rotating between the roles of discussion participants and observers. However, for the technique to be effective, instructors need to select appropriate topics, design clear and purposeful tasks, and adapt the activities to students' proficiency levels, class size, and available instructional time.*

Keywords*: Use; Fishbowl Technique; English Language Teaching; First-Year University Students.*

Nhận bài: 14/07/2026 Phản biện: 18/08/2026 Duyệt đăng: 21/08/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đổi mới giáo dục đại học, tiếng Anh ngày càng khẳng định vai trò quan trọng đối với quá trình học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp của sinh viên. Đặc biệt, đối với sinh viên năm thứ nhất, tiếng Anh không chỉ là một môn học mà còn là công cụ hỗ trợ tiếp cận nguồn tri thức quốc tế và tăng cường khả năng giao tiếp trong môi trường học thuật và nghề nghiệp. Tuy nhiên, quá trình chuyển tiếp từ giáo dục phổ thông sang đại học đặt ra không ít thách thức đối với người học. Một bộ phận sinh viên vẫn duy trì thói quen học tập thụ động, thiếu tự tin khi sử dụng tiếng Anh, đặc biệt trong các hoạt động nói và tương tác trực tiếp. Bên cạnh đó, nếu quá trình dạy học vẫn chủ yếu dựa trên hình thức giảng giải và kiểm soát của giảng viên, cơ hội để sinh viên thực hành ngôn ngữ, trao đổi ý kiến và tham gia vào các tình huống giao tiếp có ý nghĩa có thể còn hạn chế. Điều này đặt ra yêu cầu cần đổi mới phương pháp tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, tương tác và năng lực giao tiếp của người học.

Trong số các kĩ thuật dạy học tích cực, kĩ thuật bể cá (Fishbowl Technique) có tiềm năng tạo ra môi trường học tập tương tác, trong đó sinh viên vừa trực tiếp tham gia thảo luận, vừa quan sát, lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn học. Tuy nhiên, việc vận dụng kĩ thuật này trong giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất cần được nghiên cứu một cách có hệ thống về quy trình tổ chức, hiệu quả và những điều kiện bảo đảm tính khả thi. Vì vậy, trong kĩ thuật này cần tập trung trả lời bốn câu hỏi: (1) Kĩ thuật bể cá ảnh hưởng như thế nào đến mức độ tham gia học tập của sinh viên? (2) Kĩ thuật này có góp phần cải thiện năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh hay không? (3) Sinh viên nhận thức như thế nào về những lợi ích và hạn chế của kĩ thuật bể cá? và (4) Những yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai kĩ thuật này trong lớp học tiếng Anh?. Từ đó làm cơ sở xây dựng quy trình vận dụng và đánh giá tác động của kĩ thuật bể cá đối với mức độ tham gia, khả năng tương tác, sự tự tin và năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Kĩ thuật bể cá

Kĩ thuật bể cá (Fishbowl Technique) là một kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng nhằm tổ chức các hoạt động thảo luận, trao đổi và tương tác giữa người học trong một không gian có cấu trúc rõ ràng. Tên gọi "bể cá" xuất phát từ cách bố trí người học thành hai nhóm tương tự như một "bể cá": nhóm ở vòng trong trực tiếp tham gia thảo luận, trong khi nhóm ở vòng ngoài đóng vai trò quan sát, lắng nghe, ghi nhận và chuẩn bị phản hồi. Sau một khoảng thời gian nhất định, các thành

viên có thể luân chuyển giữa hai vòng, qua đó tạo cơ hội để tất cả người học lần lượt đảm nhận cả vai trò người tham gia và người quan sát. Về bản chất, Fishbowl là sự kết hợp giữa thảo luận trực tiếp và quan sát có định hướng, cho phép người học không chỉ thực hành kiến thức mà còn học hỏi thông qua việc theo dõi cách người khác trình bày, đặt câu hỏi, lập luận và phản hồi.

Một đặc điểm quan trọng của kĩ thuật bể cá là sự phân chia linh hoạt giữa vòng trong và vòng ngoài. Sinh viên ở vòng trong trực tiếp trao đổi về một chủ đề hoặc giải quyết một nhiệm vụ học tập bằng tiếng Anh; họ có trách nhiệm trình bày quan điểm, đặt câu hỏi, phản hồi và duy trì cuộc thảo luận. Trong khi đó, sinh viên ở vòng ngoài tập trung quan sát nội dung và quá trình tương tác, ghi nhận những ý tưởng đáng chú ý, theo dõi cách sử dụng ngôn ngữ và chuẩn bị câu hỏi hoặc nhận xét. Việc luân chuyển giữa hai vòng giúp hạn chế tình trạng một số sinh viên chiếm ưu thế trong hoạt động, đồng thời bảo đảm mọi người đều có cơ hội thực hành, quan sát và phản hồi.

Trong dạy học tiếng Anh, kĩ thuật bể cá có nhiều đặc điểm phù hợp với định hướng phát triển năng lực giao tiếp. Trước hết, kĩ thuật này tăng cường tương tác khi sinh viên phải trực tiếp sử dụng ngôn ngữ để trao đổi và phản hồi. Đồng thời, việc quan sát bạn học tạo ra cơ hội học tập thông qua quan sát, giúp sinh viên nhận diện cách diễn đạt, chiến lược giao tiếp và cách xây dựng lập luận. Cấu trúc hoạt động cũng khuyến khích người học chủ động tham gia thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức từ giảng viên. Thông qua quá trình trình bày, đặt câu hỏi, phản biện và bảo vệ quan điểm, sinh viên có điều kiện phát triển đồng thời kĩ năng giao tiếp, tư duy phản biện và năng lực hợp tác. Đối với giảng viên, Fishbowl tạo điều kiện quan sát trực tiếp quá trình tương tác của sinh viên, từ đó nhận diện những khó khăn về ngôn ngữ, mức độ tham gia và nhu cầu hỗ trợ của từng người học. Vì vậy, nếu được thiết kế và tổ chức phù hợp, kĩ thuật bể cá có thể tạo nên một môi trường học tập tích cực, dân chủ và lấy người học làm trung tâm, đặc biệt thích hợp với các hoạt động phát triển kĩ năng nói và giao tiếp bằng tiếng Anh.

2.2. Hạn chế của kĩ thuật bể cá

Mặc dù kĩ thuật bể cá có nhiều tiềm năng trong việc tăng cường tương tác và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh, quá trình triển khai trong thực tế có thể phát sinh một số khó khăn cần được nhận diện và kiểm soát. Trước hết, sự chênh lệch về trình độ tiếng Anh giữa các sinh viên có thể ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động. Những sinh viên có năng lực ngôn ngữ hạn chế có thể gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý tưởng, hiểu nội dung thảo luận hoặc phản hồi bằng tiếng Anh, từ đó dễ hình thành tâm lí e ngại và ít tham gia. Bên cạnh đó, trong vòng thảo luận, một số sinh viên có năng lực giao tiếp tốt hoặc có tính cách chủ động có thể chiếm ưu thế, nói nhiều và vô tình hạn chế cơ hội thể hiện của các thành viên khác.

Một vấn đề khác là nguy cơ sinh viên ở vòng ngoài trở nên thụ động nếu không được giao nhiệm vụ quan sát cụ thể. Nếu chỉ đóng vai trò người nghe, sinh viên có thể thiếu động lực theo dõi và không chuẩn bị cho quá trình tham gia ở vòng tiếp theo. Ngoài ra, kĩ thuật bể cá thường đòi hỏi thời lượng tương đối lớn để tổ chức thảo luận, luân chuyển thành viên, phản hồi và tổng kết. Điều này có thể trở thành trở ngại đối với những học phần có thời lượng tiết học hạn chế. Quy mô lớp học đông cũng làm cho việc bố trí vòng trong – vòng ngoài, kiểm soát tiếng ồn và bảo đảm mọi sinh viên đều có cơ hội tham gia trở nên khó khăn hơn.

Cuối cùng, hiệu quả của kĩ thuật phụ thuộc đáng kể vào khâu thiết kế hoạt động của giảng viên. Các câu hỏi và nhiệm vụ nếu quá dễ, quá khó hoặc thiếu tính mở sẽ không tạo được động lực thảo luận. Vì vậy, giảng viên cần lựa chọn chủ đề phù hợp với trình độ, cung cấp từ vựng và cấu trúc hỗ trợ khi cần thiết, thiết lập quy tắc tham gia rõ ràng và phân bổ thời gian hợp lí. Việc nhận diện trước những khó khăn này sẽ giúp quá trình triển khai Fishbowl hiệu quả và phù hợp hơn với đặc điểm của sinh viên năm thứ nhất.

2.3. Quy trình thực hiện kĩ thuật bể cá hiệu quả

2.3.1. Bước 1: Chuẩn bị

Giai đoạn chuẩn bị giữ vai trò nền tảng, quyết định đáng kể đến tính hiệu quả của việc triển khai kĩ thuật bể cá trong giờ học tiếng Anh. Trước hết, giảng viên cần xác định rõ mục tiêu bài học, trong đó mục tiêu không chỉ hướng đến kiến thức ngôn ngữ mà còn chú trọng phát triển khả năng giao tiếp, tương tác, trình bày ý kiến và tư duy phản biện của sinh viên. Trên cơ sở mục tiêu đã xác định, giảng viên lựa chọn chủ đề thảo luận phù hợp với nội dung học tập, trình độ tiếng Anh và mối quan tâm của sinh viên năm thứ nhất. Chủ đề nên có tính mở, gần gũi với thực tế và tạo ra nhiều quan điểm khác nhau để khuyến khích trao đổi.

Tiếp theo, giảng viên xây dựng câu hỏi hoặc nhiệm vụ thảo luận có tính định hướng, tránh những câu hỏi chỉ yêu cầu trả lời "có" hoặc "không". Sinh viên được chia thành các nhóm phù hợp với quy mô lớp học và được bố trí vào vòng trong, vòng ngoài. Trước khi bắt đầu, giảng viên cần giới thiệu rõ quy tắc hoạt động, thời gian thảo luận, cách luân chuyển giữa hai vòng và trách nhiệm của từng thành viên. Cuối cùng, đối với những chủ đề có yêu cầu ngôn ngữ tương đối cao, giảng viên nên cung cấp trước từ vựng, mẫu câu và cấu trúc giao tiếp cần thiết, giúp sinh viên, đặc biệt là những người có trình độ thấp, có đủ công cụ ngôn ngữ để tham gia thảo luận một cách tự tin và hiệu quả.

2.3.2. Bước 2: Hình thành "bể cá"

Sau khi hoàn tất khâu chuẩn bị, giảng viên tiến hành tổ chức lớp học thành một cấu trúc "bể cá" gồm hai vòng: vòng trong và vòng ngoài. Cách bố trí này cần được thực hiện linh hoạt, phù hợp với số lượng sinh viên, không gian lớp học và mục tiêu của hoạt động. Vòng trong thường được sắp xếp ở vị trí trung tâm, gồm một nhóm sinh viên trực tiếp tham gia thảo luận bằng tiếng Anh. Đây là nhóm thực hiện nhiệm vụ chính, có trách nhiệm trình bày quan điểm, đặt câu hỏi, đưa ra ý kiến, phản hồi và tương tác với các thành viên khác. Giảng viên cần khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Anh trong toàn bộ quá trình trao đổi, đồng thời tạo môi trường an toàn để người học mạnh dạn diễn đạt ý tưởng mà không quá lo lắng về lỗi ngôn ngữ.

Bao quanh vòng trong là vòng ngoài, gồm những sinh viên chưa trực tiếp tham gia thảo luận. Tuy nhiên, sinh viên ở vòng ngoài không giữ vai trò thụ động mà được giao nhiệm vụ quan sát có định hướng. Các em theo dõi nội dung trao đổi, ghi nhận những ý kiến quan trọng, chú ý đến cách lập luận, cách sử dụng từ vựng và cấu trúc tiếng Anh, đồng thời chuẩn bị câu hỏi hoặc nhận xét để đóng góp khi được chuyển vào vòng trong. Để bảo đảm sự tham gia tích cực, giảng viên có thể cung cấp phiếu quan sát với một số tiêu chí cụ thể.

Việc phân chia thành hai vòng giúp tạo ra sự cân bằng giữa tham gia trực tiếp và học tập thông qua quan sát. Đồng thời, cấu trúc này tạo tiền đề cho bước luân chuyển, trong đó sinh viên lần lượt thay đổi vai trò để mọi thành viên đều có cơ hội thực hành giao tiếp, quan sát và phản hồi trong quá trình học tập.

2.3.3. Bước 3: Thảo luận

Sau khi hình thành "bể cá", hoạt động thảo luận được triển khai với sự tham gia đồng thời của sinh viên ở cả vòng trong và vòng ngoài. Sinh viên ở vòng trong trực tiếp trao đổi bằng tiếng Anh về chủ đề hoặc nhiệm vụ đã được giảng viên chuẩn bị. Trong quá trình thảo luận, sinh viên có trách nhiệm trình bày quan điểm, giải thích ý kiến, đặt câu hỏi, phản hồi và bổ sung lập luận cho các thành viên khác. Giảng viên giữ vai trò điều phối và quan sát, chỉ can thiệp khi cần thiết để duy trì tiến trình, hỗ trợ ngôn ngữ hoặc định hướng thảo luận khi nội dung đi lệch khỏi mục tiêu bài học. Việc khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Anh một cách thường xuyên giúp tạo ra môi trường giao tiếp tự nhiên, đồng thời phát triển khả năng diễn đạt và phản ứng ngôn ngữ trong những tình huống tương tác thực tế.

Trong khi đó, sinh viên ở vòng ngoài thực hiện nhiệm vụ quan sát có định hướng thay vì chỉ ngồi nghe. Các em theo dõi diễn biến cuộc thảo luận, ghi lại những ý tưởng hoặc luận điểm quan trọng, đồng thời chú ý đến cách các thành viên sử dụng từ vựng, cấu trúc câu, cách đặt câu hỏi và phản hồi bằng tiếng Anh. Sinh viên cũng được yêu cầu xác định những quan điểm đáng chú ý, những vấn đề chưa được giải quyết hoặc những điểm cần làm rõ. Trên cơ sở đó, các em chuẩn bị câu hỏi, nhận xét hoặc ý kiến phản biện để sử dụng khi được chuyển vào vòng trong.

Quá trình này tạo nên sự kết hợp giữa thực hành, quan sát và phản hồi, giúp sinh viên học hỏi lẫn nhau và từng bước nâng cao năng lực giao tiếp. Đồng thời, việc giao nhiệm vụ cụ thể cho vòng ngoài giúp hạn chế tình trạng thụ động, bảo đảm tất cả sinh viên đều tham gia vào quá trình học tập ngay cả khi chưa trực tiếp phát biểu.

2.3.4. Bước 4: Luân chuyển

Sau khi kết thúc một khoảng thời gian thảo luận phù hợp, giảng viên tiến hành luân chuyển sinh viên giữa vòng trong và vòng ngoài. Đây là bước có ý nghĩa quan trọng nhằm bảo đảm tính công bằng và phát huy tối đa sự tham gia của tất cả người học. Việc luân chuyển cần được thực hiện theo kế hoạch rõ ràng, có thể theo từng cá nhân hoặc từng nhóm nhỏ, tùy thuộc vào quy mô lớp học và mục tiêu của hoạt động. Giảng viên cần thông báo trước thời điểm chuyển đổi để sinh viên chủ động hoàn thành nhiệm vụ ở vai trò hiện tại và chuẩn bị cho vai trò tiếp theo.

Khi chuyển từ vòng ngoài vào vòng trong, sinh viên có cơ hội trực tiếp nói và trình bày quan điểm bằng tiếng Anh, đồng thời đặt câu hỏi, phản hồi và tham gia xây dựng lập luận cùng các thành viên khác. Những ghi chép và quan sát được thực hiện ở vòng ngoài trở thành nguồn thông tin hữu ích giúp sinh viên chuẩn bị nội dung trước khi tham gia thảo luận. Ngược lại, khi chuyển từ vòng trong ra vòng ngoài, sinh viên có cơ hội lắng nghe và quan sát cách những người khác diễn đạt ý tưởng, sử dụng từ vựng, đặt câu hỏi và xử lí các ý kiến khác nhau. Nhờ đó, người học không chỉ thực hành ngôn ngữ mà còn học hỏi thông qua quan sát và tự đánh giá quá trình giao tiếp của bản thân.

Quá trình luân chuyển có thể được thực hiện qua nhiều lượt cho đến khi phần lớn hoặc toàn bộ sinh viên đều trải nghiệm cả hai vai trò. Cách tổ chức này hạn chế tình trạng một số sinh viên luôn giữ vai trò chủ động trong khi những sinh viên khác chỉ quan sát. Đồng thời, việc luân phiên giữa nói, nghe, quan sát, đặt câu hỏi và phản hồi tạo ra chu trình học tập liên tục, góp phần phát triển toàn diện năng lực giao tiếp và tính chủ động của sinh viên trong giờ học tiếng Anh.

2.3.5. Bước 5: Phản hồi

Sau khi hoàn thành các lượt thảo luận và luân chuyển, giảng viên tổ chức hoạt động phản hồi và đánh giá nhằm giúp sinh viên nhận diện những điểm mạnh, hạn chế và những nội dung cần cải thiện trong quá trình sử dụng tiếng Anh. Hoạt động phản hồi nên được thực hiện theo hướng hai chiều, trong đó giảng viên và sinh viên cùng tham gia đánh giá, qua đó phát huy khả năng tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của người học.

Trước hết, giảng viên và sinh viên tập trung đánh giá nội dung thảo luận, bao gồm mức độ phù hợp với chủ đề, tính rõ ràng, logic và sự đa dạng của các ý kiến được đưa ra. Tiếp theo, mức độ tham gia của từng sinh viên được xem xét thông qua sự chủ động phát biểu, đặt câu hỏi, lắng nghe và phản hồi. Đối với khả năng diễn đạt, cần chú ý đến mức độ rõ ràng, mạch lạc và khả năng truyền tải ý tưởng bằng tiếng Anh. Bên cạnh đó, giảng viên cung cấp phản hồi về tính chính xác và phù hợp của ngôn ngữ, bao gồm từ vựng, cấu trúc câu, cách phát âm và cách sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp.

Một nội dung quan trọng khác là đánh giá khả năng phản biện và tương tác. Sinh viên cần được khuyến khích đưa ra lí do cho quan điểm của mình, biết đặt câu hỏi, phản hồi ý kiến khác biệt và xây dựng lập luận dựa trên nội dung thảo luận. Trong quá trình này, giảng viên không nên tập trung quá mức vào việc sửa từng lỗi ngôn ngữ mà cần ưu tiên những lỗi ảnh hưởng đến khả năng giao tiếp, đồng thời ghi nhận những tiến bộ của sinh viên. Việc kết hợp phản hồi của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng sẽ giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về quá trình học tập, từ đó chủ động điều chỉnh chiến lược giao tiếp và nâng cao hiệu quả sử dụng tiếng Anh trong những hoạt động tiếp theo.

2.3.6. Bước 6: Tổng kết

Giảng viên khái quát kiến thức, sửa lỗi ngôn ngữ tiêu biểu và hướng dẫn sinh viên tự đánh giá.

III. KẾT LUẬN

Kĩ thuật bể cá là một phương pháp dạy học tích cực, phù hợp với định hướng phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất. Việc tổ chức linh hoạt giữa vòng trong và vòng ngoài tạo cơ hội để sinh viên thực hành nói, lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi và phản hồi. Qua đó, kĩ thuật này góp phần tăng cường sự chủ động, tự tin và khả năng tương tác của người học. Tuy nhiên, hiệu quả áp dụng phụ thuộc vào trình độ sinh viên, quy mô lớp học, thời lượng và năng lực tổ chức của giảng viên. Vì vậy, cần vận dụng Fishbowl linh hoạt, phù hợp với mục tiêu và điều kiện thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Brookfield, S. D., & Preskill, S. (2016). The discussion book: 50 great ways to get people talking (2nd ed.). Jossey-Bass.

Brown, H. D., & Lee, H. (2015). Teaching by principles: An interactive approach to language pedagogy (4th ed.). Pearson Education.

Johnson, D. W., Johnson, R. T., & Smith, K. A. (2014). Cooperative learning: Improving university instruction by basing practice on validated theory. Journal on Excellence in University Teaching, 25(3–4), 85–118.

Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2014). Approaches and methods in language teaching (3rd ed.). Cambridge University Press.

Ur, P. (2012). A course in language teaching: Practice and theory (2nd ed.). Cambridge University Press.